



CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ CAO SU ĐẮK LẮK (DRI)
CÔNG TY TNHH CAO SU ĐẮK LẮK (DAKLAORUCO)



BÁO CÁO CHUYÊN ĐỀ

Đa dạng sinh học Thực vật

Pakse, tháng 6 năm 2026

Mục lục

Danh mục các từ viết tắt	1
Danh mục bảng	2
Danh mục hình	2
MỞ ĐẦU	3
I. THÔNG TIN VỀ CÔNG TY TNHH CAO SU ĐẮKLẮK (Daklaoruco)	4
1. Mục tiêu điều tra và đánh giá tính đa dạng sinh học thực vật	4
2. Thời gian thực hiện	5
3. Phương pháp điều tra	5
3.1. Phương pháp kế thừa	5
3.2. Phương pháp điều tra theo tuyến	5
3.3. Phương pháp điều tra theo ô tiêu chuẩn	6
2. Kết quả điều tra, đánh giá đa dạng sinh học thực vật	13
2.1. Hệ sinh thái	13
2.2. Đa dạng thành phần loài thực vật	14
2.3. Đa dạng về dạng sống	15
2.4. Đa dạng về giá trị sử dụng	15
2.5. Các nguyên nhân tác động đến đa dạng thực vật	16
2.6. Các loài thực vật quý, hiếm, ưu tiên bảo tồn	17
2.7. Đề xuất giải pháp giảm tác động đến đa dạng thực vật	17
Kết luận	18
Tài liệu tham khảo chính	19
Phụ lục	20
Phụ lục 1: Danh lục các loài thực vật ghi nhận tại công ty Daklaoruco	20
Phụ lục 2: Một số hình ảnh hoạt động điều tra thực địa và loài cây	33

Danh mục các từ viết tắt

D _{1,3}	Chiều cao ngang ngực (1,3m)
Daklaoruco	Công ty trách nhiệm hữu hạn cao su Daklak
EN	Endangered_Nguy cấp
FSC	Hội đồng Quản lý Rừng
HCVF	Rừng có giá trị bảo tồn cao
IUCN	Liên minh Quốc tế Bảo tồn Thiên nhiên và Tài nguyên Thiên nhiên
NT	Nông trường
OTC	Ô tiêu chuẩn
QLRBV	Quản lý rừng bền vững

Danh mục bảng

Bảng 1: Tọa độ vị trí các ô tiêu chuẩn

Bảng 2: Ký hiệu các loài thực vật trên bản đồ

Bảng 3: Các họ giàu loài nhất

Bảng 4: Dạng sống của thực vật tại công ty Daklaoruco

Bảng 5: Giá trị sử dụng của các loài thực vật tại công ty Daklaoruco

Danh mục hình

Hình 1: Sơ đồ tuyến điều tra tại Nông trường 1

Hình 2: Sơ đồ tuyến điều tra tại Nông trường 2

Hình 3: Sơ đồ tuyến điều tra tại Nông trường 3

Hình 4: Sơ đồ tuyến điều tra tại Nông trường 4

MỞ ĐẦU

Hệ sinh thái và thành phần các loài thực vật có ý nghĩa quan trọng trong việc hình thành nên môi trường sống, chuỗi và lưới thức ăn đối với mọi sinh vật. Do đó, điều tra, đánh giá về hệ sinh thái, đa dạng thành phần loài thực vật sẽ cung cấp cơ sở khoa học trong việc quản lý, sử dụng hợp lý nguồn tài nguyên sinh học.

Đánh giá hiện trạng đa dạng sinh học cũng là một trong những nội dung quan trọng làm cơ sở điều chỉnh phương án quản lý rừng bền vững. Đánh giá đa dạng sinh học còn là cơ sở xác định khu rừng có giá trị bảo tồn cao HCVF và xây dựng chiến lược, kế hoạch bảo tồn được xác định là một trong những nội dung hoạt động trong thực hiện phương án QLRBV.

Trên cơ sở kế thừa kết quả điều tra đa dạng sinh học thực vật của Đơn vị tư vấn SFMI tháng 06 năm 2023 và kết quả giám sát hoạt động quản lý bảo vệ rừng từ năm 2024 đến hết tháng 5/2026. Báo cáo này bổ sung, sửa đổi lại những nội dung phát hiện mới theo báo cáo giám sát các hoạt động sản xuất, cũng như cập nhật lại diện tích theo hiện trạng của Công ty năm 2026.

I. THÔNG TIN VỀ CÔNG TY TNHH CAO SU ĐẮKLẮK (Daklaoruco)

Công ty TNHH Cao su Daklak (DAKLAORUCO) trực thuộc Công ty Cổ phần đầu tư Cao su Đắk Lắk (DRI) được thành lập ngày 06/12/2004. Trụ sở đóng tại: Bản ThaLuông, thành phố Pakse, tỉnh Champasak, Lào với nhiệm vụ chính là: thực hiện Dự án trồng 10.000 ha cao su cùng một số cây công nghiệp khác tại các tỉnh Nam Lào.

Công ty Daklaoruco gồm 4 nông trường (tọa độ địa lý: X: 105,045 - 106,144; Y: 14,875 -15,621); 1 nhà máy chế biến cao su thiên nhiên; 6 phòng chức năng; 4 trạm y tế; hơn 2.500 cán bộ, công nhân viên, người lao động, trong đó có hơn 90% lao động là người Lào.

- Nông trường 1: thành lập ngày ngày 24/02/2005, tại Bản Mây - huyện Ba Chiêng - tỉnh Champasak.

- Nông trường 2: thành lập ngày 24/02/2005 tại Bản Vang Kha Nan – huyện Lào Ngam –tỉnh Salavan.

- Nông trường 3: thành lập ngày 26/12/2006 tại Bản Noóng Pak Het - Pathumphone – Champasak.

- Nông trường 4: thành lập ngày 01/4/2008, tại Bản Noóng Kè – huyện Lào Ngam –tỉnh Salavan.

- Nhà máy chế biến cao su được xây dựng năm 2010, khánh thành và đi vào hoạt động tháng 10/2012. Hiện nhà máy có 02 dây chuyền chế biến mủ cao su với công suất chế biến mủ cao su hiện tại là 18.000 tấn/năm.

Đến tháng 5 năm 2026, Tổng diện tích quản lý của Daklaoruco là 10.186ha. Trong đó:

+ Đất có rừng:	9.160,97 ha
+ Đất lâm nghiệp khác (hợp thủy, đường vận xuất, HLVs, vườn ươm, đường bao,...):	987,36 ha
+ Đất phi lâm nghiệp (trụ sở, nhà ở, nhà máy, ...):	38,34 ha

II. Mục tiêu, thời gian và phương pháp điều tra, đánh giá

1. Mục tiêu điều tra và đánh giá tính đa dạng sinh học thực vật

Xây dựng được danh mục thực vật có trong khu vực công ty Daklaoruco quản lý;

Đánh giá được tính đa dạng sinh học của khu hệ thực vật tại khu vực công ty Daklaoruco quản lý;

Xác định được các loài có giá trị bảo tồn cao và các tác động đe dọa đến khu hệ thực vật làm cơ sở đề xuất các giải pháp quản lý bảo vệ.

2. Thời gian thực hiện

- Các hoạt động điều tra thực địa được tiến hành từ 05/4- 28/4/2023 ở 04 Nông trường thuộc công ty Daklaoruco; Tổng hợp nội nghiệp thực hiện từ ngày 01/5-10/6/2023.

- Hoạt động điều tra bổ sung thực hiện từ ngày 18/02/2025 đến ngày 25/02/2025. Tổng hợp nội nghiệp thực hiện từ ngày 26-28/02/2025.

3. Phương pháp điều tra

3.1. Phương pháp kế thừa

- Thu thập tài liệu nghiên cứu điều kiện tự nhiên, kinh tế xã hội... khu vực nghiên cứu;

- Thu thập toàn bộ số liệu về tài nguyên rừng và hiện trạng sử dụng đất;

- Thu thập các loại bản đồ có liên quan trong khu vực (bản đồ quy hoạch rừng, bản đồ tài nguyên rừng, bản đồ kiểm kê rừng...)

- Các tài liệu về đa dạng thực vật đã có trước đây.

- Các biên bản giám sát và báo cáo giám sát của Công ty thực hiện theo sổ tay giám sát các hoạt động sản xuất.

3.2. Phương pháp điều tra theo tuyến

Xác định các tuyến điều tra đi qua hầu hết các trạng thái rừng (rừng trồng, rừng tái sinh và đất trồng của người dân), để đảm bảo tính toàn diện cho khu vực nghiên cứu. Các tuyến điều tra tại 4 NT được thể hiện chi tiết trong hình 1, 2, 3 và hình 4. Trên tuyến điều tra, ghi lại tên các loài thực vật, đối với các loài chưa xác định được tại thực địa thì chụp ảnh chi tiết các đặc điểm để định loại sau.

Tổng số tuyến điều tra thực vật của 2 đợt: 28 tuyến trên cả 4 Nông trường, Trong đó, tại Nông trường 1 có 8 tuyến; Nông trường 2 có 5 tuyến; Nông trường 3 có 8 tuyến; Nông trường 4 có 7 tuyến.

3.3. Phương pháp điều tra theo ô tiêu chuẩn

Trong quá trình thực hiện điều tra theo tuyến, nhóm điều tra sẽ đặt các Ô tiêu chuẩn (OTC) một cách ngẫu nhiên (đặt hai bên tuyến hoặc trên tuyến), các OTC chỉ đặt trong khu vực rừng trồng Cao su. Kích thước ô tiêu chuẩn là 400m² (20 x 20 m).

Tổng số OTC đã thực hiện điều tra tại 4 Nông trường là 18 OTC. Trong đó, Nông trường 1 có 6 OTC; Nông trường 2 có 4 OTC; Nông trường 3 có 3 OTC; Nông trường 4 có 5 OTC.

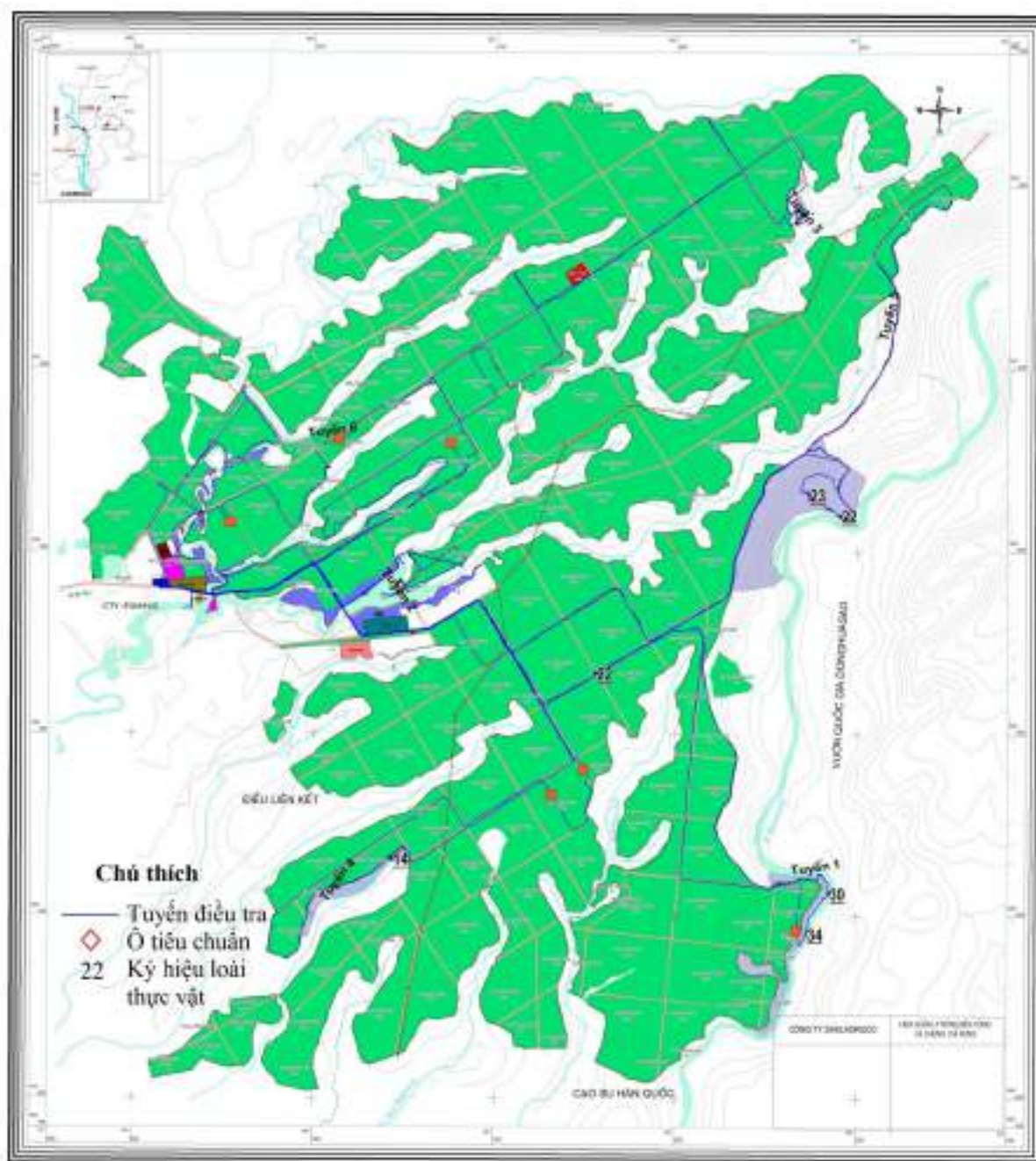
Trong ô tiêu chuẩn tiến hành đo đếm các nội dung sau:

Trong OCT xác định loài của tất cả các cây gỗ có đường kính ngang ngực ($D_{1,3}$) ≥ 10 cm.

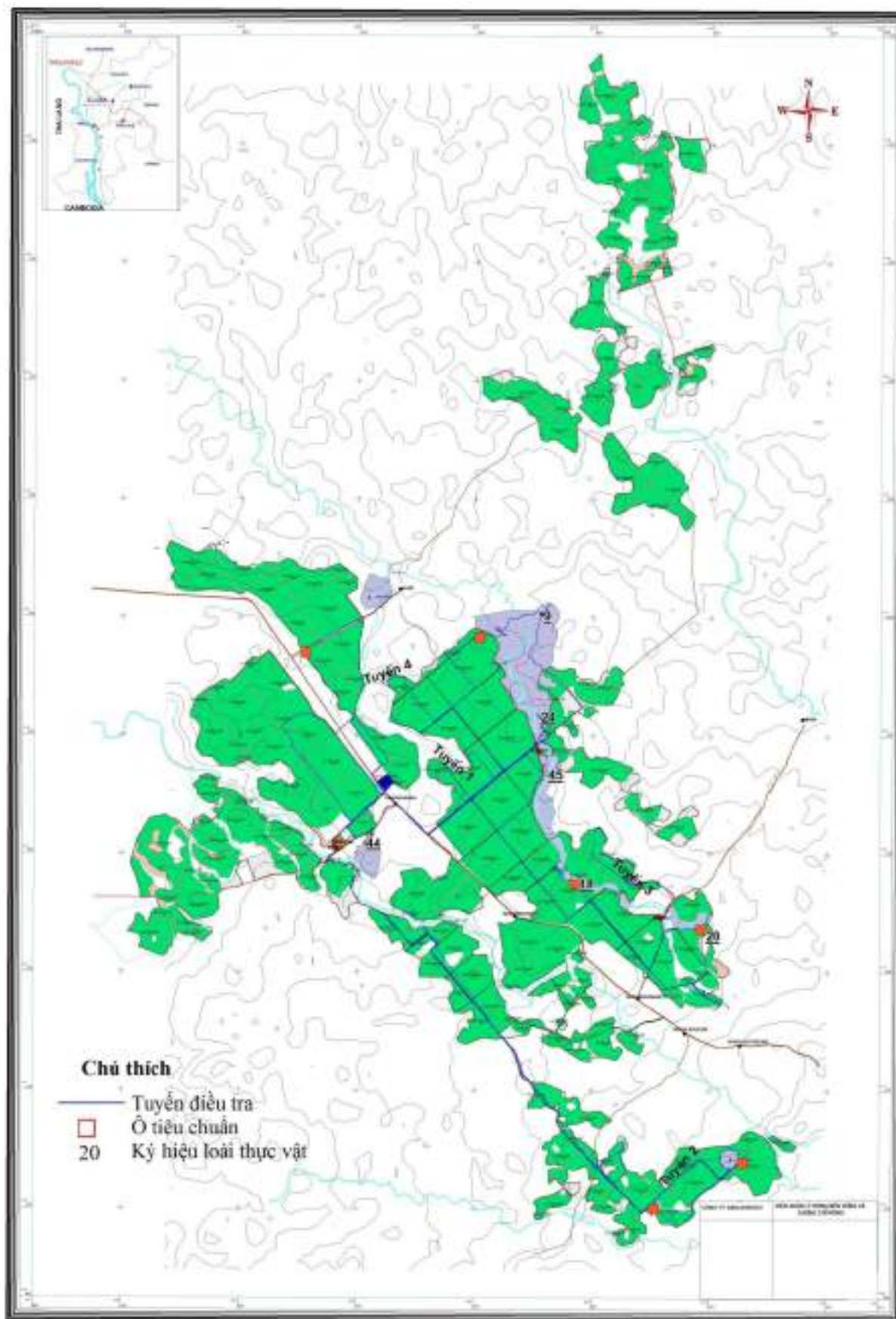
Trong OTC chính (20 x 20m) lập 5 ô dạng bản/ ô thứ cấp 25 m² (5 x 5 m) ở 4 góc và ở tâm của OTC chính. Trên các ô dạng bản sẽ đo đếm các loài cây bụi có $D_{1,3} = 1 - 5$ cm, số cá thể/ số bụi đối với cây dạng thân thảo, leo.

Bảng 1: Tọa độ vị trí các ô tiêu chuẩn

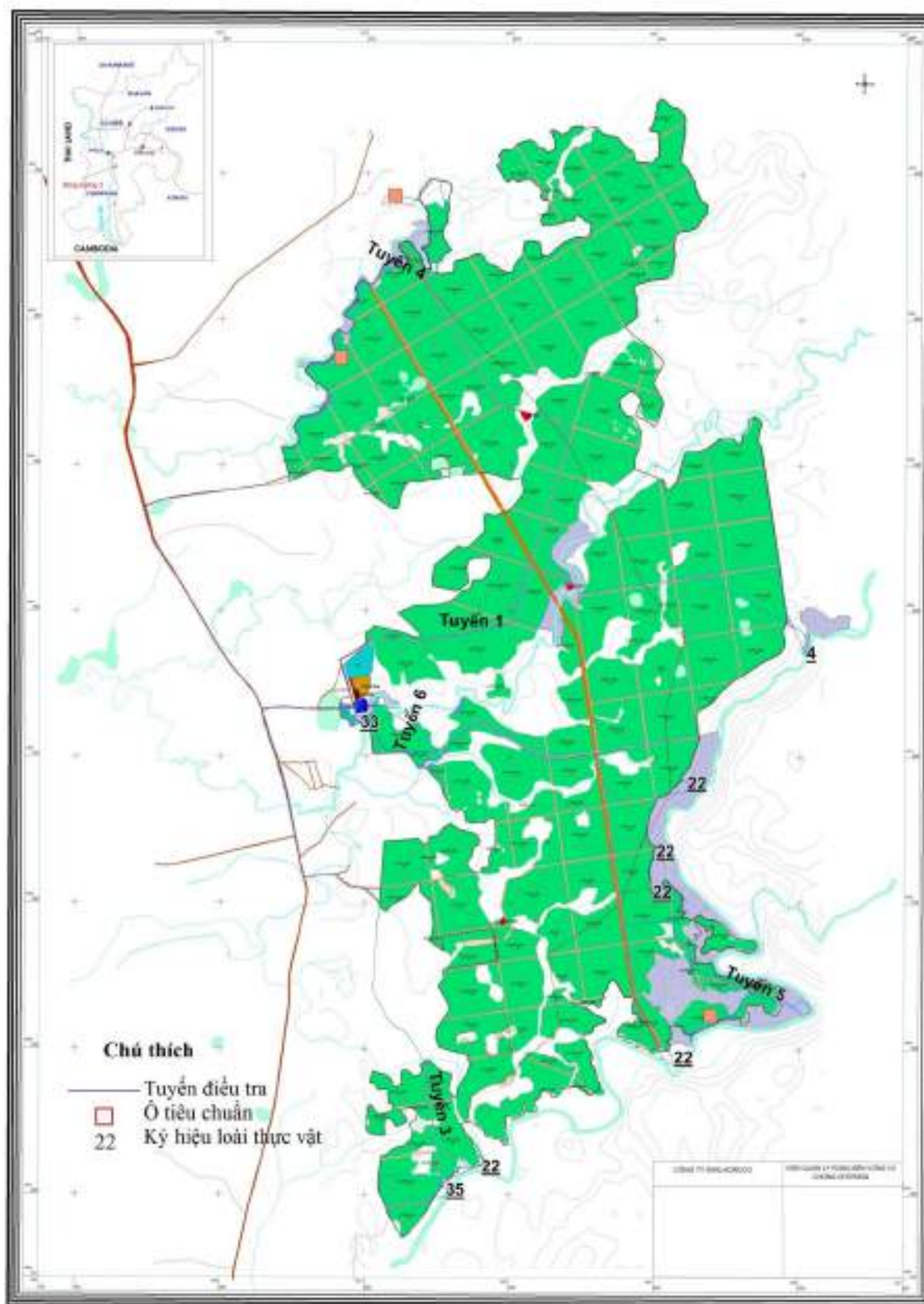
STT	Nông trường	Tọa độ X	Tọa độ Y
1.	Nông trường 1	105,9676	15,07074
2.	Nông trường 1	105,9513	15,08283
3.	Nông trường 1	105,9489	15,08094
4.	Nông trường 1	105,9241	15,10124
5.	Nông trường 1	105,9325	15,10737
6.	Nông trường 1	105,9411	15,1071
7.	Nông trường 2	106,0142	15,50213
8.	Nông trường 2	106,0292	15,49693
9.	Nông trường 2	105,9822	15,52869
10.	Nông trường 2	106,0029	15,53045
11.	Nông trường 3	105,9467	14,9885
12.	Nông trường 3	105,9414	14,97344
13.	Nông trường 3	105,977	14,9122
14.	Nông trường 4	106,123	15,47217
15.	Nông trường 4	106,1354	15,47871
16.	Nông trường 4	106,0454	15,52348
17.	Nông trường 4	106,0695	15,47024
18.	Nông trường 4	106,0734	15,47721



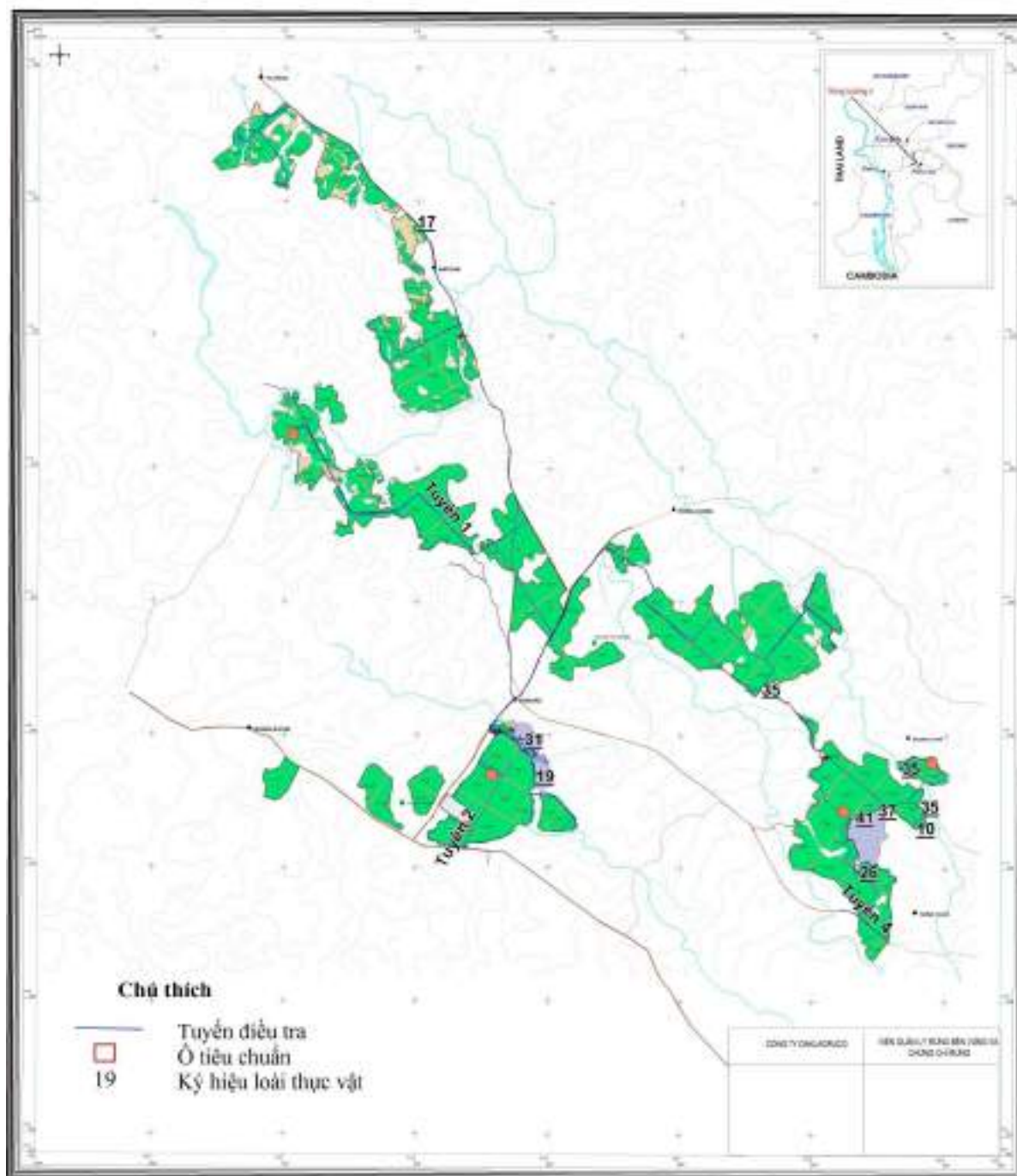
Hình 1: Sơ đồ tuyến điều tra tại Nông trường 1



Hình 2: Sơ đồ tuyến điều tra tại Nông trường 2



Hình 3: Sơ đồ tuyến điều tra tại Nông trường 3



Hình 4: Sơ đồ tuyến điều tra tại Nông trường 4

Bảng 2: Ký hiệu các loài thực vật trên bản đồ

Ký hiệu	Tên tiếng Việt	Tên khoa học
1	Keo	<i>Acacia auriculiformis</i>
2	Trạch quạch	<i>Adenanthera pavonina</i>
3	Trầu	<i>Aleurites moluccanus</i>
4	Tầm	<i>Altingia chinensis</i>
5	Tai nghe biệt chu	<i>Aporosa octandra</i>
6	Dó bầu	<i>Aquilaria crassna</i>
7	Mít	<i>Artocarpus heterophyllus</i>
8	Tu hú gỗ	<i>Callicarpa arborea</i>
9	Vùng	<i>Careya arborea</i>
10	Bông gạo	<i>Ceiba pentandra</i>
11	Chung bầu lông	<i>Combretum pilosum</i>
12	Phượng vĩ	<i>Delonix regia</i>
13	Sổ trai	<i>Dillenia ovata</i>
14	Thị chồi hung	<i>Diospyros rufogemmata</i>
15	Dầu dái	<i>Dipterocarpus alatus</i>
16	Ráng đuôi phụng lá sồi	<i>Drynaria quercifolia</i>
17	Bạch đàn	<i>Eucalyptus globulus</i>
18	Lõi thọ	<i>Gmelina arborea</i>
19	Gấm núi	<i>Gnetum montanum</i>
20	Sao đen	<i>Hopea odorata</i>
21	Mặc tâm	<i>Hymenocardia punctata</i>
22	Kơ nia	<i>Irvingia malayana</i>
23	Bằng lăng lông	<i>Lagerstroemia tomentosa</i>
24	Bằng lăng lông	<i>Lagerstroemia tomentosa</i>
25	Nhãn rừng	<i>Lepisanthes rubiginosa</i>

Ký hiệu	Tên tiếng Việt	Tên khoa học
26	Sồi đá	<i>Lithocarpus cerifer</i>
27	Dẻ chùm to	<i>Lithocarpus megastachyus</i>
28	Ngọc lan	<i>Magnolia balansae</i>
29	Xoài	<i>Mangifera indica</i>
30	Mai duong	<i>Mimosa pigra</i>
31	Gáo	<i>Neolamarckia cadamba</i>
32	Chôm chôm	<i>Nephelium lappaceum</i>
33	Lim vàng	<i>Peltophorum dasyrhachis</i>
34	Run thơm	<i>Poikilospermum suaveolens</i>
35	Giáng hương	<i>Pterocarpus indicus</i>
36	Rù rì cát	<i>Rotula aquatica</i>
37	Sau đỏ	<i>Sandoricum koetjape</i>
38	Gỗ mật	<i>Sindora siamensis</i>
39	Râu hùm	<i>Tacca chantrieri</i>
40	Me	<i>Tamarindus indica</i>
41	Bàng mốp	<i>Terminalia bellirica</i>
42	Tông dù	<i>Toona sinensis</i>
43	Lát khế	<i>Toona sureni</i>
44	Mạn kinh	<i>Vitex quinata</i>
45	Đa	<i>Ficus sp.</i>
46	Bằng lăng	<i>Lagestromia sp.</i>

2. Kết quả điều tra, đánh giá đa dạng sinh học thực vật

2.1. Hệ sinh thái

Kết quả điều tra tại 4 Nông trường và khu vực lân cận cho thấy, chủ yếu là hệ sinh thái rừng trồng (Cao su, Điều, Keo), một phần nhỏ là rừng tái sinh ven dòng chảy và đất canh tác nông nghiệp của người dân.

Đối với rừng trồng (Cao su, Điều, Keo), ngoài các cây trồng chính thì chỉ có một số ít loài thực vật tái sinh, các cây tái sinh thường bị cắt, chặt trong quá trình vệ sinh rừng.

Đối với rừng tái sinh ven dòng chảy, do có diện tích nhỏ, xen kẽ với khu vực người dân sinh sống cũng như đất canh tác nên cũng thường xuyên bị chặt, đốt làm nông nghiệp do đó còn rất ít cây gỗ có kích thước lớn, đa số là các loài cây bụi, thảo, dây leo nhỏ và số ít cây gỗ tái sinh.

Đất canh tác nông nghiệp ven rừng trồng có diện tích không lớn, nằm bên ngoài ranh giới các nông trường, thường là ven dòng chảy, một số loài cây trồng đã bắt gặp như Dứa, Sắn, Xoài, Mít...

2.2. Đa dạng thành phần loài thực vật

Kết quả điều tra trong địa phận của 4 nông trường thuộc công ty và khu vực lân cận, đã xác định được 310 loài thực vật thuộc 270 chi và 122 họ (chi tiết trong phụ lục).

Phân bố loài trong các họ và chi không đồng đều nhau, trong số các họ thực vật được phát hiện thì 10 họ giàu loài nhất có 133 loài (chiếm 42,9% tổng số loài ghi nhận được) (bảng 3). Các họ có số loài nhiều nhất là họ Đậu (Fabaceae) có 36 loài; họ Thầu dầu (Euphorbiaceae) có 21 loài, họ Cà phê (Rubiaceae) có 16 loài, họ Trúc đào (Apocynaceae) và họ Dâu tằm (Moraceae) cùng có 11 loài; đây cũng là các họ có số loài lớn trên thế giới, có khu vực phân bố rộng.

Bảng 3: 10 họ giàu loài nhất

Stt	Họ thực vật	Số loài
1.	Fabaceae	36
2.	Euphorbiaceae	21
3.	Rubiaceae	16
4.	Apocynaceae	11
5.	Moraceae	11
6.	Asteraceae	10
7.	Verbenaceae	8
8.	Acanthaceae	8
9.	Annonaceae	6
10.	Cyperaceae	6
	Tổng	133

2.3. *Đang dạng về dạng sống*

Nhóm các cây bụi chiếm tỷ lệ cao nhất trong khu vực điều tra với 23,23%, tiếp theo lần lượt là nhóm cây thân thảo với 22,58%; nhóm cây gỗ nhỏ với 20,32%; nhóm dây leo (bao gồm cả dây leo hóa gỗ và dây thân thảo) chiếm 19,03%. Nhóm cây gỗ lớn chỉ chiếm có 10,97% (bảng 4). Kết quả này hoàn toàn phù hợp với các kết quả về hệ sinh thái đồng thời cũng phản ánh đúng thực trạng thảm thực vật tại khu vực các nông trường của công ty Daklaoruco. Trong khu vực rừng trồng, chỉ có số lượng rất hạn chế các loài và cá thể, cây thân thảo, cây bụi tái sinh; các cây gỗ lớn chủ yếu nằm ở bên ngoài ranh giới của các nông trường, chủ yếu là trên đất ven dòng chảy hoặc trên đất canh tác của người dân. Dải đất hẹp ven dòng chảy có điều kiện không thuận lợi (độ dốc cao) hoặc ít nhiều bị tác động của người dân (làm đất canh tác cây nông nghiệp, khai thác củ...) nên ít xuất hiện cây gỗ lớn mà chủ yếu là các loài cây bụi, cây dây leo nhỏ.

Bảng 4: Dạng sống của thực vật tại công ty Daklaoruco

Stt	Dạng sống	Số loài	Tỷ lệ (%)
1.	Bụi	72	23.23
2.	Thân thảo	70	22.58
3.	Gỗ nhỏ	63	20.32
4.	Dây leo	59	19.03
5.	Gỗ lớn	34	10.97
6.	Gỗ TB	9	2.90
7.	Ký sinh	3	0.97
*	Tổng	310	100.00

2.4. *Đa dạng về giá trị sử dụng*

Dựa vào danh lục cây thuốc của Đỗ Tất Lợi (1995) và Võ Văn Chi (2012), 1900 cây có ích ở Việt Nam (1991), Danh lục cây thuốc Việt Nam (Viện Dược liệu)... Hệ thực vật trong khu vực của công ty mặc dù không thực sự đa dạng và phong phú tuy nhiên các kết quả đánh giá ban đầu cho thấy các loài thực vật ở đây có giá trị tài nguyên không nhỏ, các loài thực vật có giá trị làm thuốc chiếm tỷ lệ cao nhất, chiếm 33,20% tổng số loài đã ghi nhận. Nếu được quản lý và phát triển một cách phù hợp thì nhiều loài cây thuốc có tiềm năng mang lại giá trị kinh tế cho khu vực như Hoàng đằng (*Fibraurea recisa*), Râu hùm (*Tacca chantrieri*),

Bòng bông (*Dracaena angustifolia*)... Giá trị tài nguyên thực vật được thể hiện trong bảng 5.

Nhóm cây cho gỗ có số lượng không lớn tuy nhiên hiện tại vẫn còn khá nhiều cá thể Giáng hương (*Pterocarpus indicus* Willd.) có giá trị cao, kết quả điều tra ghi nhận khoảng 130- 150 cá thể có đường kính từ 6cm trở lên, trong đó có một số ít cá thể đường kính đến 40-50cm. Các cá thể Giáng hương này đều nằm trên đất nông nghiệp của người dân ở các khu vực liền kề đất nông trường (Nông trường 3, 4).

Bảng 5: Giá trị sử dụng của các loài thực vật tại công ty Daklaoruco

Stt	Công dụng	Số loài	Tỷ lệ (%)
1.	Làm thuốc	99	56.57
2.	Cho gỗ	33	18.86
3.	Ăn được	21	12.00
4.	Làm cảnh	8	4.57
5.	Cho sợi	4	2.29
6.	Cho nhựa	3	1.71
7.	Cho Tanin	2	1.14
8.	Ăn quả	2	1.14
9	Công dụng khác	2	1.14
10	Cho dầu béo	1	0.57
*	Tổng	175	100.00

2.5. Các nguyên nhân tác động đến đa dạng thực vật

Trong địa phận của các nông trường, rừng trồng đã ổn định, việc vệ sinh rừng thường xuyên ít nhiều tác động đến đa dạng thực vật nhưng là việc cần thiết để chăm sóc cũng như thu hoạch các sản phẩm chính từ rừng.

Khu vực ven dòng chảy, đất liền kề với gianh giới của nông trường hiện nay vẫn đang bị tác động bởi các hoạt động nông nghiệp của người dân (đốt rẫy, trồng cây ăn quả, hoa màu...) nên vẫn thường xuyên tác động đến hệ sinh thái cũng như đa dạng về loài.

Mặc dù giá trị tài nguyên thực vật khu vực ven dòng chảy và đất liền kề khá phong phú về chủng loại, tuy nhiên do mật độ người dân thưa, trữ lượng tài nguyên không lớn nên trong thời gian điều tra thực địa, các chuyên gia không ghi nhận các hoạt động khai thác lâm sản ngoài gỗ từ hệ thực vật tự nhiên do đó nguyên nhân này được loại bỏ.

2.6. Các loài thực vật quý, hiếm, ưu tiên bảo tồn

Trong quá trình điều tra, mới xác định được một loài nằm trong danh mục IUCN là loài Giáng hương Ấn (*Pterocarpus indicus* Willd.), mức Nguy cấp (EN). Qua phỏng vấn người dân tại hiện trường thì trong các cá thể này có cả nguồn gốc tự nhiên và được người dân trồng.

2.7. Đề xuất giải pháp giảm tác động đến đa dạng thực vật

- Hạn chế đến mức thấp nhất các tác động của các nông trường đến khu vực ven dòng chảy và thảm thực vật khu vực tiếp giáp với các nông trường;
- Tuyên truyền, vận động người dân không đốt rừng, không mở rộng hay di chuyển các vùng đất canh tác nông nghiệp; hạn chế các hoạt động chăn thả gia súc trong khu vực của các nông trường;
- Kiến nghị với chính quyền địa phương nhằm thúc đẩy người dân bảo tồn các cá thể Giáng hương còn lại.

Kết luận

- Thông qua kết quả giám sát của Công ty ngoài các loài đã được phát hiện trong báo cáo điều tra của Đơn vị tư vấn chưa phát hiện loài thực vật mới.

- Về kiểu thảm thực vật: kết quả xác định được các kiểu thảm bao gồm: hệ sinh thái rừng trồng, rừng tái sinh ven dòng chảy và đất canh tác nông nghiệp của người dân.

- Về thành phần loài thực vật: đã xác định được 310 loài thực vật thuộc 270 chi và 122 họ có trong địa phận các nông trường và khu vực lân cận.

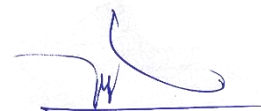
- Về dạng sống: Nhóm các cây bụi chiếm tỷ lệ cao nhất (23%), tiếp theo lần lượt là nhóm cây thân thảo (22%); nhóm cây gỗ nhỏ (20%)...

- Về các quý hiếm, ưu tiên bảo tồn: chỉ ghi nhận một loài có trong danh mục của IUCN là loài Giáng hương Ấn (*Pterocarpus indicus* Willd.), mức Nguy cấp (EN) có phân bố tự nhiên và được trồng tại khu vực liền kề với các nông trường.

- Tác động chính đến đa dạng thực vật là các hoạt động canh tác nông nghiệp của người dân địa phương.

Pakse, ngày tháng 6 năm 2026

P.KT - SX



Phạm Văn Nam

Tài liệu tham khảo chính

1. Lê Trần Chấn và cs, 1999. Những đặc điểm cơ bản của hệ thực vật Việt Nam. NXB. KHKT, Hà Nội.
2. Võ Văn Chi, 2012. Từ điển cây thuốc Việt Nam. Nxb Y học, Hà Nội.
3. Phạm Hoàng Hộ, 2003. Cây cỏ Việt Nam. Tập 1, 2, 3. Nhà xuất bản trẻ.
4. IUCN, IUCN Red List of Threatened species: <http://www.iucnredlist.org/>
5. Đỗ Tất Lợi, 2001. Những cây thuốc và vị thuốc Việt Nam. NXB Y học.
6. Thực vật chí Việt Nam (nhiều tập, nhiều tác giả), Nxb Khoa học và Công nghệ
7. Tiêu chuẩn quốc gia tạm thời cho đánh giá rừng của nước Cộng hòa Dân chủ Nhân dân Lào (FSC-STD-LAO-01-2020 EN).

Phụ lục

Phụ lục 1: Danh mục các loài thực vật ghi nhận tại Công ty Daklaoruco

Stt	Tên họ Tiếng Việt	Tên họ Khoa học	Tên Loài Khoa học	Tên Việt Nam	IUCN	Dạng sống
1	Họ Ô rô	Acanthaceae	<i>Justicia stricta</i> Vahl	Đinh lịch đứng		Bụi
2	Họ Ô rô	Acanthaceae	<i>Nelsonia canescens</i> (Lam.) Spreng.	Niên sơn		Bụi
3	Họ Ô rô	Acanthaceae	<i>Thunbergia grandiflora</i> Roxb.	Bông báo		Dây leo
4	Họ Trạch tả	Alismataceae	<i>Sagittaria sagittifolia</i> L.	Trạch tả lá mác		Thảo
5	Họ Dền	Amaranthaceae	<i>Achyranthes aspera</i> L.	Cỏ xước		Thảo
6	Họ Dền	Amaranthaceae	<i>Alternanthera sessilis</i> (L.) R.Br. ex DC.	Rau dền		Thảo
7	Họ Dền	Amaranthaceae	<i>Amaranthus spinosus</i> L.	Dền gai		Thảo
8	Họ Dền	Amaranthaceae	<i>Celosia argentea</i> L.	Mào gà trắng		Thảo
9	Họ Xoài	Anacardiaceae	<i>Gluta tavoyana</i> Hook.f.	Trám mộc tavoy		Gỗ TB
10	Họ Xoài	Anacardiaceae	<i>Mangifera indica</i> L.	Xoài nhà		Gỗ Lớn
11	Họ Xoài	Anacardiaceae	<i>Spondias pinnata</i> (L.f.) Kurz	Cóc rừng		Gỗ Lớn
12	Họ Na	Annonaceae	<i>Desmos chinensis</i> Lour.	Dẻ thơm		Trườn
13	Họ Na	Annonaceae	<i>Uvaria grandiflora</i> Roxb.	Bù dẻ hoa lớn		Trườn
14	Họ Trúc đào	Apocynaceae	<i>Melodinus</i> sp.	Giom trung bộ		Dây leo
15	Họ Trúc đào	Apocynaceae	<i>Alstonia scholaris</i> (L.) R. Br.	Sữa		Gỗ Lớn
16	Họ Trúc đào	Apocynaceae	<i>Catharanthus roseus</i> (L.) G.Don	Dừa cạn		Thảo
17	Họ Ráy	Araceae	<i>Alocasia macrorrhizos</i> (L.) G.Don	Ráy bản		Thảo
18	Họ Ráy	Araceae	<i>Colocasia esculenta</i> (L.) Schott	Khoai môn		Thảo
19	Họ Ngũ gia bì	Araliaceae	<i>Schefflera heptaphylla</i> (L.) Frodin	Ngũ gia bì chân chim		Gỗ TB
20	Họ Cau	Arecaceae	<i>Calamus rudentum</i> Lour.	Mây song		Dây leo
21	Họ Cau	Arecaceae	<i>Caryota mitis</i> Lour.	Đác (Đùng đỉnh)		Gỗ Nhỏ
22	Họ Cúc	Asteraceae	<i>Tridax procumbens</i> L.	Cúc xuyên chi		Thảo
23	Họ Cúc	Asteraceae	<i>Ageratum conyzoides</i> L.	Cỏ hôi (Cứt lợn)		Thảo
24	Họ Cúc	Asteraceae	<i>Artemisia vulgaris</i> L.	Ngải cứu		Thảo
25	Họ Cúc	Asteraceae	<i>Bidens pilosa</i> L.	Xuyên chi		Thảo

Stt	Tên họ Tiếng Việt	Tên họ Khoa học	Tên Loài Khoa học	Tên Việt Nam	IUCN	Dạng sống
26	Họ Cúc	Asteraceae	<i>Eclipta prostrata</i> (L.) L.	Cỏ mực (Nhọ nôi)		Thảo
27	Họ Cúc	Asteraceae	<i>Vernonia amygdalina</i> <i>Delile</i>	Cây mật gấu		Bụi
28	Họ Điều nhuộm	Bixaceae	<i>Bixa orellana</i> L.	Điều nhuộm		Bụi
29	Họ Cồng	Calophyllaceae	<i>Calophyllum</i> sp.	Rù rì		Gỗ Nhỏ
30	Họ Bàng	Combretaceae	<i>Terminalia catappa</i> L.	Bàng		Gỗ Lớn
31	Họ Bàng	Combretaceae	<i>Terminalia chebula</i> Retz.	Chiêu liêu	LC	Gỗ Lớn
32	Họ Thài lài	Commelinaceae	<i>Commelina communis</i> <i>Roxb.</i>	Trai thường		Thảo
33	Họ Thài lài	Commelinaceae	<i>Floscopa glomerata</i> (Willd. ex Schult. & Schult.f.) <i>Hassk.</i>	Cỏ đầu rìu		Thảo
34	Họ Khoai lang	Convolvulaceae	<i>Jacquemontia paniculata</i> (Burm.f.) Hallier f.	Bìm trắng		Dây leo
35	Họ Khoai lang	Convolvulaceae	<i>Ipomoea aquatica</i> Forssk.	Rau muống		Thảo bò
36	Họ Bầu bí	Cucurbitaceae	<i>Momordica charantia</i> L.	Mướp đắng rừng		Dây leo
37	Họ Cói	Cyperaceae	<i>Cyperus rotundus</i> L.	Cỏ gấu (Hương phụ)		Thảo
38	Họ Sỗ	Dilleniaceae	<i>Dillenia indica</i> L.	Sỗ bà	LC	Gỗ TB
39	Họ Củ mài	Dioscoreaceae	<i>Dioscorea persimilis</i> Prain & Burkill	Củ mài (Hoài son)		Dây leo
40	Họ Dầu	Dipterocarpaceae	<i>Dipterocarpus alatus</i> Roxb. ex DC.	Dầu rái	EN	Gỗ Lớn
41	Họ Dầu	Dipterocarpaceae	<i>Hopea odorata</i> Roxb.	Sao đen	VU	Gỗ Lớn
42	Họ Thị	Ebenaceae	<i>Diospyros apiculata</i> A.Chev.	Thị lợ nôi		Gỗ Nhỏ
43	Họ Thầu dầu	Euphorbiaceae	<i>Croton dongnaiensis</i> Pierre ex Gagnep.	Ba đậu đồng nai		Bụi
44	Họ Thầu dầu	Euphorbiaceae	<i>Mallotus nudiflorus</i> (L.) <i>Kulju & Welzen</i>	Lưu buru		Gỗ Lớn
45	Họ Thầu dầu	Euphorbiaceae	<i>Ricinus communis</i> L.	Thầu dầu		Bụi
46	Họ Thầu dầu	Euphorbiaceae	<i>Euphorbia hirta</i> L.	Cỏ sữa lá lớn		Thảo
47	Họ Đậu	Fabaceae	<i>Albizia myriophylla</i> Benth.	Sống rần		Gỗ TB
48	Họ Đậu	Fabaceae	<i>Albizia vialleana</i> Pierre	Kết		Gỗ Lớn
49	Họ Đậu	Fabaceae	<i>Cajanus cajan</i> (L.) Huth	Đậu sắng		Bụi
50	Họ Đậu	Fabaceae	<i>Cassia</i> sp.	Bọ cạp java	LC	Gỗ TB
51	Họ Đậu	Fabaceae	<i>Erythrina variegata</i> L.	Vông nem		Gỗ Lớn

Stt	Tên họ Tiếng Việt	Tên họ Khoa học	Tên Loài Khoa học	Tên Việt Nam	IUCN	Dạng sống
52	Họ Đậu	Fabaceae	<i>Flemingia stricta</i> Roxb.	Tóp mỡ trắng		Bụi
53	Họ Đậu	Fabaceae	<i>Millettia brandisiana</i> Kurz	Thân mát brandis		Gỗ Lớn
54	Họ Đậu	Fabaceae	<i>Mucuna pruriens</i> (L.) DC.	Móc mèo		Dây leo
55	Họ Đậu	Fabaceae	<i>Senegalia caesia</i> (L.) Maslin	Keo cát	LC	Gỗ TB
56	Họ Đậu	Fabaceae	<i>Xylia xylocarpa</i> (Roxb.) W.Theob.	Cắm xe	LC	Gỗ Lớn
57	Họ Đậu	Fabaceae	<i>Pterocarpus macrocarpus</i> Kurz	Giáng hương quả to	EN	Gỗ Lớn
58	Họ Ban	Hypericaceae	<i>Cratoxylum</i> sp.	Thành ngành nam		Bụi
59	Họ Bạc hà	Lamiaceae	<i>Sphenodesme ferruginea</i> Wight	Bội tinh sét		Dây leo
60	Họ Bạc hà	Lamiaceae	<i>Hyptis suaveolens</i> (L.) Poit.	É lớn tròng		Thảo
61	Họ Long não	Lauraceae	<i>Cinnamomum</i> sp.	Re tía		Gỗ Nhỏ
62	Họ Long não	Lauraceae	<i>Phoebe lanceolata</i> (Nees) Nees	Re trắng mũi mác		Gỗ Nhỏ
63	Họ Lộc vừng	Lecythidaceae	<i>Barringtonia macrostachya</i> (Jack) Kurz	Tam lang		Gỗ TB
64	Họ Lũng dăng	Linderniaceae	<i>Torenia</i> sp.	Lũng dăng cong		Thảo
65	Họ Bằng lăng	Lythraceae	<i>Rotala rosea</i> (Poir.) C.D.K.Cook	Luân thảo cánh đẹp	LC	Thảo
66	Họ Bằng lăng	Lythraceae	<i>Lagerstroemia speciosa</i> (L.) Pers.	Bằng lăng nước		Gỗ TB
67	Họ Bông (Cắm quỳ)	Malvaceae	<i>Abelmoschus moschatus</i> Medik.	Bụp vang		Bụi
68	Họ Bông (Cắm quỳ)	Malvaceae	<i>Hibiscus sabdariffa</i> L.	Bụp giấm		Bụi
69	Họ Bông (Cắm quỳ)	Malvaceae	<i>Sida acuta</i> Burm.f.	Ké hoa vàng		Bụi nhỏ
70	Họ Xoan	Meliaceae	<i>Chukrasia tabularis</i> A.Juss.	Lát hoa	LC	Gỗ Lớn
71	Họ Dâu tằm	Moraceae	<i>Artocarpus</i> sp.	Sa kê		Gỗ Nhỏ
72	Họ Dâu tằm	Moraceae	<i>Ficus racemosa</i> L.	Sung		Gỗ TB
73	Họ Sim	Myrtaceae	<i>Syzygium cumini</i> (L.) Skeels	Trâm móc		Gỗ TB
74	Họ Rau dứa	Onagraceae	<i>Ludwigia octovalvis</i> (Jacq.) P.H.Raven	Rau mương đứng	LC	Thảo
75	Họ Lan	Orchidaceae	<i>Dendrobium</i> sp.	Hoàng thảo lá kim		Ký sinh
76	Họ Lan	Orchidaceae	<i>Dendrobium</i> sp2.	Chân rết lá xanh		Ký sinh

Stt	Tên họ Tiếng Việt	Tên họ Khoa học	Tên Loài Khoa học	Tên Việt Nam	IUCN	Dạng sống
77	Họ Dứa dại	Pandanaceae	<i>Pandanus sp.</i>	Dứa nhiễm		Thảo
78	Họ Diệp hạ châu	Phyllanthaceae	<i>Cleistanthus sp.</i>	Dỏm lông		Bụi
79	Họ Diệp hạ châu	Phyllanthaceae	<i>Phyllanthus urinaria L.</i>	Diệp hạ châu đắng		Thảo
80	Họ Hòa thảo (Cỏ)	Poaceae	<i>Imperata cylindrica (L.) Raeusch.</i>	Cỏ tranh		Thảo
81	Họ Hòa thảo (Cỏ)	Poaceae	<i>Bambusa blumeana Schult.f.</i>	Tre gai		Tre nứa
82	Họ Viền chí	Polygalaceae	<i>Xanthophyllum lanceatum (Miq.) J.J.Sm.</i>	Gạt nai		Gỗ TB
83	Họ Rau răm	Polygonaceae	<i>Persicaria lapathifolia (L.) Delarbre</i>	Nghé trắng		Thảo
84	Họ Cà phê	Rubiaceae	<i>Aidia sp.</i>	Găng gai nhỏ		Gỗ TB
85	Họ Cà phê	Rubiaceae	<i>Morinda sp.</i>	Nhàu lá chanh		Bụi
86	Họ Cà phê	Rubiaceae	<i>Morinda tomentosa B.Heyne ex Roth</i>	Nhàu lông mềm		Gỗ nhỏ
87	Họ Cà phê	Rubiaceae	<i>Paederia linearis var. linearis Hook.f.</i>	Rau mơ		Dây leo
88	Họ Cà phê	Rubiaceae	<i>Ridsdalea sp.</i>	Găng cao		Gỗ TB
89	Họ Cà phê	Rubiaceae	<i>Mussaenda sp.</i>	Bướm bạc chevalier		Bụi
90	Họ Khúc khắc	Smilacaceae	<i>Smilax sp.</i>	Khúc khắc lá bảy gân		Dây leo
91	Họ Cà	Solanaceae	<i>Physalis angulata L.</i>	Tầm bóp		Thảo
92	Họ Cà	Solanaceae	<i>Solanum viarum Dunal</i>	Cà gai hoa trắng		Bụi nhỏ
93	Họ Gừng	Zingiberaceae	<i>Alpinia nigra (Gaertn.) Burt</i>	Riềng đen		Thảo
94	Họ Ô rô	Acanthaceae	<i>Justicia stricta Vahl var. highland_93</i>	Đinh lịch đứng 2		Bụi
95	Họ Ô rô	Acanthaceae	<i>Nelsonia canescens (Lam.) Spreng. var. highland_94</i>	Niên sơn 2		Bụi
96	Họ Ô rô	Acanthaceae	<i>Thunbergia grandiflora Roxb. var. highland_95</i>	Bông báo 2		Dây leo
97	Họ Trạch tả	Alismataceae	<i>Sagittaria sagittifolia L. var. highland_96</i>	Trạch tả lá mác 2		Thảo
98	Họ Dền	Amaranthaceae	<i>Achyranthes aspera L. var. highland_97</i>	Cỏ xước 2		Thảo
99	Họ Dền	Amaranthaceae	<i>Alternanthera sessilis (L.) R.Br. ex DC. var. highland_98</i>	Rau dền 2		Thảo
100	Họ Dền	Amaranthaceae	<i>Amaranthus spinosus L. var. highland_99</i>	Dền gai 2		Thảo

Stt	Tên họ Tiếng Việt	Tên họ Khoa học	Tên Loài Khoa học	Tên Việt Nam	IUCN	Dạng sống
101	Họ Dền	Amaranthaceae	<i>Celosia argentea</i> L. var. <i>highland_100</i>	Mào gà trắng 2		Thảo
102	Họ Xoài	Anacardiaceae	<i>Gluta tavoyana</i> Hook.f. var. <i>highland_101</i>	Trám mộc tavoy 2		Gỗ TB
103	Họ Xoài	Anacardiaceae	<i>Mangifera indica</i> L. var. <i>highland_102</i>	Xoài nhà 2		Gỗ Lớn
104	Họ Xoài	Anacardiaceae	<i>Spondias pinnata</i> (L.f.) Kurz var. <i>highland_103</i>	Cóc rừng 2		Gỗ Lớn
105	Họ Na	Annonaceae	<i>Desmos chinensis</i> Lour. var. <i>highland_104</i>	Dẻ thơm 2		Trườn
106	Họ Na	Annonaceae	<i>Uvaria grandiflora</i> Roxb. var. <i>highland_105</i>	Bù dẻ hoa lớn 2		Trườn
107	Họ Trúc đào	Apocynaceae	<i>Melodinus</i> sp. var. <i>highland_106</i>	Giom trung bộ 2		Dây leo
108	Họ Trúc đào	Apocynaceae	<i>Alstonia scholaris</i> (L.) R. Br. var. <i>highland_107</i>	Sữa 2		Gỗ Lớn
109	Họ Trúc đào	Apocynaceae	<i>Catharanthus roseus</i> (L.) G.Don var. <i>highland_108</i>	Dừa cạn 2		Thảo
110	Họ Ráy	Araceae	<i>Alocasia macrorrhizos</i> (L.) G.Don var. <i>highland_109</i>	Ráy bản 2		Thảo
111	Họ Ráy	Araceae	<i>Colocasia esculenta</i> (L.) Schott var. <i>highland_110</i>	Khoai môn 2		Thảo
112	Họ Ngũ gia bì	Araliaceae	<i>Schefflera heptaphylla</i> (L.) Frodin var. <i>highland_111</i>	Ngũ gia bì chân chim 2		Gỗ TB
113	Họ Cau	Arecaceae	<i>Calamus rudentum</i> Lour. var. <i>highland_112</i>	Mây song 2		Dây leo
114	Họ Cau	Arecaceae	<i>Caryota mitis</i> Lour. var. <i>highland_113</i>	Đác (Đủng đỉnh) 2		Gỗ Nhỏ
115	Họ Cúc	Asteraceae	<i>Tridax procumbens</i> L. var. <i>highland_114</i>	Cúc xuyên chi 2		Thảo
116	Họ Cúc	Asteraceae	<i>Ageratum conyzoides</i> L. var. <i>highland_115</i>	Cỏ hôi (Cứt lợn) 2		Thảo
117	Họ Cúc	Asteraceae	<i>Artemisia vulgaris</i> L. var. <i>highland_116</i>	Ngải cứu 2		Thảo
118	Họ Cúc	Asteraceae	<i>Bidens pilosa</i> L. var. <i>highland_117</i>	Xuyên chi 2		Thảo
119	Họ Cúc	Asteraceae	<i>Eclipta prostrata</i> (L.) L. var. <i>highland_118</i>	Cỏ mực (Nhọ nồi) 2		Thảo
120	Họ Cúc	Asteraceae	<i>Vernonia amygdalina</i> Delile var. <i>highland_119</i>	Cây mật gấu 2		Bụi
121	Họ Điều nhuộm	Bixaceae	<i>Bixa orellana</i> L. var. <i>highland_120</i>	Điều nhuộm 2		Bụi
122	Họ Cồng	Calophyllaceae	<i>Calophyllum</i> sp. var. <i>highland_121</i>	Rù rì 2		Gỗ Nhỏ
123	Họ Bàng	Combretaceae	<i>Terminalia catappa</i> L. var. <i>highland_122</i>	Bàng 2		Gỗ Lớn

Stt	Tên họ Tiếng Việt	Tên họ Khoa học	Tên Loài Khoa học	Tên Việt Nam	IUCN	Dạng sống
124	Họ Bàng	Combretaceae	<i>Terminalia chebula</i> Retz. var. <i>highland_123</i>	Chiêu liên 2	LC	Gỗ Lớn
125	Họ Thái lải	Commelinaceae	<i>Commelina communis</i> Roxb. var. <i>highland_124</i>	Trai thường 2		Thảo
126	Họ Thái lải	Commelinaceae	<i>Floscopa glomerata</i> (Willd. ex Schult. & Schult.f.) Hassk. var. <i>highland_125</i>	Cỏ đầu riu 2		Thảo
127	Họ Khoai lang	Convolvulaceae	<i>Jacquemontia paniculata</i> (Burm.f.) Hallier f. var. <i>highland_126</i>	Bìm trắng 2		Dây leo
128	Họ Khoai lang	Convolvulaceae	<i>Ipomoea aquatica</i> Forssk. var. <i>highland_127</i>	Rau muống 2		Thảo bò
129	Họ Bầu bí	Cucurbitaceae	<i>Momordica charantia</i> L. var. <i>highland_128</i>	Mướp đắng rừng 2		Dây leo
130	Họ Cói	Cyperaceae	<i>Cyperus rotundus</i> L. var. <i>highland_129</i>	Cỏ gấu (Hương phụ) 2		Thảo
131	Họ Sỗ	Dilleniaceae	<i>Dillenia indica</i> L. var. <i>highland_130</i>	Sỗ bà 2	LC	Gỗ TB
132	Họ Củ mài	Dioscoreaceae	<i>Dioscorea persimilis</i> Prain & Burkill var. <i>highland_131</i>	Củ mài (Hoài son) 2		Dây leo
133	Họ Dầu	Dipterocarpaceae	<i>Dipterocarpus alatus</i> Roxb. ex DC. var. <i>highland_132</i>	Dầu rái 2	EN	Gỗ Lớn
134	Họ Dầu	Dipterocarpaceae	<i>Hopea odorata</i> Roxb. var. <i>highland_133</i>	Sao đen 2	VU	Gỗ Lớn
135	Họ Thị	Ebenaceae	<i>Diospyros apiculata</i> A.Chev. var. <i>highland_134</i>	Thị lợ nôi 2		Gỗ Nhỏ
136	Họ Thầu dầu	Euphorbiaceae	<i>Croton dongnaiensis</i> Pierre ex Gagnep. var. <i>highland_135</i>	Ba đậu đồng nai 2		Bụi
137	Họ Thầu dầu	Euphorbiaceae	<i>Mallotus nudiflorus</i> (L.) Kulju & Welzen var. <i>highland_136</i>	Lưu bu 2		Gỗ Lớn
138	Họ Thầu dầu	Euphorbiaceae	<i>Ricinus communis</i> L. var. <i>highland_137</i>	Thầu dầu 2		Bụi
139	Họ Thầu dầu	Euphorbiaceae	<i>Euphorbia hirta</i> L. var. <i>highland_138</i>	Cỏ sữa lá lớn 2		Thảo
140	Họ Đậu	Fabaceae	<i>Albizia myriophylla</i> Benth. var. <i>highland_139</i>	Sóng rấn 2		Gỗ TB
141	Họ Đậu	Fabaceae	<i>Albizia vialeana</i> Pierre var. <i>highland_140</i>	Kết 2		Gỗ Lớn
142	Họ Đậu	Fabaceae	<i>Cajanus cajan</i> (L.) Huth var. <i>highland_141</i>	Đậu sắng 2		Bụi
143	Họ Đậu	Fabaceae	<i>Cassia</i> sp. var. <i>highland_142</i>	Bọ cạp java 2	LC	Gỗ TB
144	Họ Đậu	Fabaceae	<i>Erythrina variegata</i> L. var. <i>highland_143</i>	Vông nem 2		Gỗ Lớn

Stt	Tên họ Tiếng Việt	Tên họ Khoa học	Tên Loài Khoa học	Tên Việt Nam	IUCN	Dạng sống
145	Họ Đậu	Fabaceae	<i>Flemingia stricta</i> Roxb. var. <i>highland_144</i>	Tóp mỡ trắng 2		Bụi
146	Họ Đậu	Fabaceae	<i>Millettia brandisiana</i> Kurz var. <i>highland_145</i>	Thân mát brandis 2		Gỗ Lớn
147	Họ Đậu	Fabaceae	<i>Mucuna pruriens</i> (L.) DC. var. <i>highland_146</i>	Móc mèo 2		Dây leo
148	Họ Đậu	Fabaceae	<i>Senegalia caesia</i> (L.) Maslin var. <i>highland_147</i>	Keo cát 2	LC	Gỗ TB
149	Họ Đậu	Fabaceae	<i>Xylia xylocarpa</i> (Roxb.) W.Theob. var. <i>highland_148</i>	Cắm xe 2	LC	Gỗ Lớn
150	Họ Đậu	Fabaceae	<i>Pterocarpus macrocarpus</i> Kurz var. <i>highland_149</i>	Giáng hương quả to 2	EN	Gỗ Lớn
151	Họ Ban	Hypericaceae	<i>Cratoxylum</i> sp. var. <i>highland_150</i>	Thành ngành nam 2		Bụi
152	Họ Bạc hà	Lamiaceae	<i>Sphenodesme ferruginea</i> Wight var. <i>highland_151</i>	Bội tinh sét 2		Dây leo
153	Họ Bạc hà	Lamiaceae	<i>Hyptis suaveolens</i> (L.) Poit. var. <i>highland_152</i>	É lớn trồng 2		Thảo
154	Họ Long não	Lauraceae	<i>Cinnamomum</i> sp. var. <i>highland_153</i>	Re tía 2		Gỗ Nhỏ
155	Họ Long não	Lauraceae	<i>Phoebe lanceolata</i> (Nees) Nees var. <i>highland_154</i>	Re trắng mũi mác 2		Gỗ Nhỏ
156	Họ Lộc vùng	Lecythidaceae	<i>Barringtonia macrostachya</i> (Jack) Kurz var. <i>highland_155</i>	Tam lang 2		Gỗ TB
157	Họ Lũng dăng	Linderniaceae	<i>Torenia</i> sp. var. <i>highland_156</i>	Lũng dâng cong 2		Thảo
158	Họ Bằng lăng	Lythraceae	<i>Rotala rosea</i> (Poir.) C.D.K.Cook var. <i>highland_157</i>	Luân thảo cánh đẹp 2	LC	Thảo
159	Họ Bằng lăng	Lythraceae	<i>Lagerstroemia speciosa</i> (L.) Pers. var. <i>highland_158</i>	Bằng lăng nước 2		Gỗ TB
160	Họ Bông (Cắm quỳ)	Malvaceae	<i>Abelmoschus moschatus</i> Medik. var. <i>highland_159</i>	Bụp vang 2		Bụi
161	Họ Bông (Cắm quỳ)	Malvaceae	<i>Hibiscus sabdariffa</i> L. var. <i>highland_160</i>	Bụp giấm 2		Bụi
162	Họ Bông (Cắm quỳ)	Malvaceae	<i>Sida acuta</i> Burm.f. var. <i>highland_161</i>	Ké hoa vàng 2		Bụi nhỏ
163	Họ Xoan	Meliaceae	<i>Chukrasia tabularis</i> A.Juss. var. <i>highland_162</i>	Lát hoa 2	LC	Gỗ Lớn
164	Họ Dầu tăm	Moraceae	<i>Artocarpus</i> sp. var. <i>highland_163</i>	Sa kê 2		Gỗ Nhỏ
165	Họ Dầu tăm	Moraceae	<i>Ficus racemosa</i> L. var. <i>highland_164</i>	Sung 2		Gỗ TB

Stt	Tên họ Tiếng Việt	Tên họ Khoa học	Tên Loài Khoa học	Tên Việt Nam	IUCN	Dạng sống
166	Họ Sim	Myrtaceae	<i>Syzygium cumini</i> (L.) Skeels var. <i>highland_165</i>	Trâm mốc 2		Gỗ TB
167	Họ Rau dừa	Onagraceae	<i>Ludwigia octovalvis</i> (Jacq.) P.H.Raven var. <i>highland_166</i>	Rau mương đứng 2	LC	Thảo
168	Họ Lan	Orchidaceae	<i>Dendrobium</i> sp. var. <i>highland_167</i>	Hoàng thảo lá kim 2		Ký sinh
169	Họ Lan	Orchidaceae	<i>Dendrobium</i> sp2. var. <i>highland_168</i>	Chân rết lá xanh 2		Ký sinh
170	Họ Dứa dại	Pandanaceae	<i>Pandanus</i> sp. var. <i>highland_169</i>	Dứa nhiễm 2		Thảo
171	Họ Diệp hạ châu	Phyllanthaceae	<i>Cleistanthus</i> sp. var. <i>highland_170</i>	Dòm lông 2		Bụi
172	Họ Diệp hạ châu	Phyllanthaceae	<i>Phyllanthus urinaria</i> L. var. <i>highland_171</i>	Diệp hạ châu đứng 2		Thảo
173	Họ Hòa thảo (Cỏ)	Poaceae	<i>Imperata cylindrica</i> (L.) Raeusch. var. <i>highland_172</i>	Cỏ tranh 2		Thảo
174	Họ Hòa thảo (Cỏ)	Poaceae	<i>Bambusa blumeana</i> Schult.f. var. <i>highland_173</i>	Tre gai 2		Tre nửa
175	Họ Viền chí	Polygalaceae	<i>Xanthophyllum lanceatum</i> (Miq.) J.J.Sm. var. <i>highland_174</i>	Gạt nai 2		Gỗ TB
176	Họ Rau răm	Polygonaceae	<i>Persicaria lapathifolia</i> (L.) Delarbre var. <i>highland_175</i>	Nghé trắng 2		Thảo
177	Họ Cà phê	Rubiaceae	<i>Aidia</i> sp. var. <i>highland_176</i>	Găng gai nhỏ 2		Gỗ TB
178	Họ Cà phê	Rubiaceae	<i>Morinda</i> sp. var. <i>highland_177</i>	Nhàu lá chanh 2		Bụi
179	Họ Cà phê	Rubiaceae	<i>Morinda tomentosa</i> B.Heyne ex Roth var. <i>highland_178</i>	Nhàu lông mềm 2		Gỗ nhỏ
180	Họ Cà phê	Rubiaceae	<i>Paederia linearis</i> var. <i>linearis</i> Hook.f. var. <i>highland_179</i>	Rau mơ 2		Dây leo
181	Họ Cà phê	Rubiaceae	<i>Ridsdalea</i> sp. var. <i>highland_180</i>	Găng cao 2		Gỗ TB
182	Họ Cà phê	Rubiaceae	<i>Mussaenda</i> sp. var. <i>highland_181</i>	Bướm bạc chevalier 2		Bụi
183	Họ Khúc khắc	Smilacaceae	<i>Smilax</i> sp. var. <i>highland_182</i>	Khúc khắc lá bảy gân 2		Dây leo
184	Họ Cà	Solanaceae	<i>Physalis angulata</i> L. var. <i>highland_183</i>	Tầm bóp 2		Thảo
185	Họ Cà	Solanaceae	<i>Solanum viarum</i> Dunal var. <i>highland_184</i>	Cà gai hoa trắng 2		Bụi nhỏ
186	Họ Gừng	Zingiberaceae	<i>Alpinia nigra</i> (Gaertn.) Burt var. <i>highland_185</i>	Riềng đen 2		Thảo

Stt	Tên họ Tiếng Việt	Tên họ Khoa học	Tên Loài Khoa học	Tên Việt Nam	IUCN	Dạng sống
187	Họ Ô rô	Acanthaceae	<i>Justicia stricta</i> Vahl var. <i>highland_186</i>	Đinh lịch đứng 3		Bụi
188	Họ Ô rô	Acanthaceae	<i>Nelsonia canescens</i> (Lam.) <i>Spreng. var. highland_187</i>	Niên sơn 3		Bụi
189	Họ Ô rô	Acanthaceae	<i>Thunbergia grandiflora</i> Roxb. var. <i>highland_188</i>	Bông báo 3		Dây leo
190	Họ Trạch tả	Alismataceae	<i>Sagittaria sagittifolia</i> L. var. <i>highland_189</i>	Trạch tả lá mác 3		Thảo
191	Họ Dền	Amaranthaceae	<i>Achyranthes aspera</i> L. var. <i>highland_190</i>	Cỏ xước 3		Thảo
192	Họ Dền	Amaranthaceae	<i>Alternanthera sessilis</i> (L.) R.Br. ex DC. var. <i>highland_191</i>	Rau dệu 3		Thảo
193	Họ Dền	Amaranthaceae	<i>Amaranthus spinosus</i> L. var. <i>highland_192</i>	Dền gai 3		Thảo
194	Họ Dền	Amaranthaceae	<i>Celosia argentea</i> L. var. <i>highland_193</i>	Mào gà trắng 3		Thảo
195	Họ Xoài	Anacardiaceae	<i>Gluta tavoyana</i> Hook.f. var. <i>highland_194</i>	Trám mộc tavoy 3		Gỗ TB
196	Họ Xoài	Anacardiaceae	<i>Mangifera indica</i> L. var. <i>highland_195</i>	Xoài nhà 3		Gỗ Lớn
197	Họ Xoài	Anacardiaceae	<i>Spondias pinnata</i> (L.f.) Kurz var. <i>highland_196</i>	Cóc rừng 3		Gỗ Lớn
198	Họ Na	Annonaceae	<i>Desmos chinensis</i> Lour. var. <i>highland_197</i>	Dẻ thơm 3		Trườn
199	Họ Na	Annonaceae	<i>Uvaria grandiflora</i> Roxb. var. <i>highland_198</i>	Bù dẻ hoa lớn 3		Trườn
200	Họ Trúc đào	Apocynaceae	<i>Melodinus</i> sp. var. <i>highland_199</i>	Giom trung bộ 3		Dây leo
201	Họ Trúc đào	Apocynaceae	<i>Alstonia scholaris</i> (L.) R. Br. var. <i>highland_200</i>	Sữa 3		Gỗ Lớn
202	Họ Trúc đào	Apocynaceae	<i>Catharanthus roseus</i> (L.) G.Don var. <i>highland_201</i>	Dừa cạn 3		Thảo
203	Họ Ráy	Araceae	<i>Alocasia macrorrhizos</i> (L.) G.Don var. <i>highland_202</i>	Ráy bản 3		Thảo
204	Họ Ráy	Araceae	<i>Colocasia esculenta</i> (L.) Schott var. <i>highland_203</i>	Khoai môn 3		Thảo
205	Họ Ngũ gia bì	Araliaceae	<i>Schefflera heptaphylla</i> (L.) Frodin var. <i>highland_204</i>	Ngũ gia bì chân chim 3		Gỗ TB
206	Họ Cau	Arecaceae	<i>Calamus rudentum</i> Lour. var. <i>highland_205</i>	Mây song 3		Dây leo
207	Họ Cau	Arecaceae	<i>Caryota mitis</i> Lour. var. <i>highland_206</i>	Đác (Đủng đỉnh) 3		Gỗ Nhỏ
208	Họ Cúc	Asteraceae	<i>Tridax procumbens</i> L. var. <i>highland_207</i>	Cúc xuyên chi 3		Thảo
209	Họ Cúc	Asteraceae	<i>Ageratum conyzoides</i> L. var. <i>highland_208</i>	Cỏ hôi (Cứt lợn) 3		Thảo

Stt	Tên họ Tiếng Việt	Tên họ Khoa học	Tên Loài Khoa học	Tên Việt Nam	IUCN	Dạng sống
210	Họ Cúc	Asteraceae	<i>Artemisia vulgaris</i> L. var. <i>highland_209</i>	Ngải cứu 3		Thảo
211	Họ Cúc	Asteraceae	<i>Bidens pilosa</i> L. var. <i>highland_210</i>	Xuyến chi 3		Thảo
212	Họ Cúc	Asteraceae	<i>Eclipta prostrata</i> (L.) L. var. <i>highland_211</i>	Cỏ mực (Nhọ nôi) 3		Thảo
213	Họ Cúc	Asteraceae	<i>Vernonia amygdalina</i> Delile var. <i>highland_212</i>	Cây mật gấu 3		Bụi
214	Họ Điều nhuộm	Bixaceae	<i>Bixa orellana</i> L. var. <i>highland_213</i>	Điều nhuộm 3		Bụi
215	Họ Cồng	Calophyllaceae	<i>Calophyllum</i> sp. var. <i>highland_214</i>	Rù rì 3		Gỗ Nhỏ
216	Họ Bàng	Combretaceae	<i>Terminalia catappa</i> L. var. <i>highland_215</i>	Bàng 3		Gỗ Lớn
217	Họ Bàng	Combretaceae	<i>Terminalia chebula</i> Retz. var. <i>highland_216</i>	Chiêu liêu 3	LC	Gỗ Lớn
218	Họ Thài lài	Commelinaceae	<i>Commelina communis</i> Roxb. var. <i>highland_217</i>	Trai thường 3		Thảo
219	Họ Thài lài	Commelinaceae	<i>Floscopa glomerata</i> (Willd. ex Schult. & Schult.f.) Hassk. var. <i>highland_218</i>	Cỏ đầu rìu 3		Thảo
220	Họ Khoai lang	Convolvulaceae	<i>Jacquemontia paniculata</i> (Burm.f.) Hallier f. var. <i>highland_219</i>	Bìm trắng 3		Dây leo
221	Họ Khoai lang	Convolvulaceae	<i>Ipomoea aquatica</i> Forssk. var. <i>highland_220</i>	Rau muống 3		Thảo bò
222	Họ Bầu bí	Cucurbitaceae	<i>Momordica charantia</i> L. var. <i>highland_221</i>	Mướp đắng rừng 3		Dây leo
223	Họ Cói	Cyperaceae	<i>Cyperus rotundus</i> L. var. <i>highland_222</i>	Cỏ gấu (Hương phụ) 3		Thảo
224	Họ Sỗ	Dilleniaceae	<i>Dillenia indica</i> L. var. <i>highland_223</i>	Sỗ bà 3	LC	Gỗ TB
225	Họ Củ mài	Dioscoreaceae	<i>Dioscorea persimilis</i> Prain & Burkill var. <i>highland_224</i>	Củ mài (Hoài sơn) 3		Dây leo
226	Họ Dầu	Dipterocarpaceae	<i>Dipterocarpus alatus</i> Roxb. ex DC. var. <i>highland_225</i>	Dầu rái 3	EN	Gỗ Lớn
227	Họ Dầu	Dipterocarpaceae	<i>Hopea odorata</i> Roxb. var. <i>highland_226</i>	Sao đen 3	VU	Gỗ Lớn
228	Họ Thị	Ebenaceae	<i>Diospyros apiculata</i> A.Chev. var. <i>highland_227</i>	Thị lợ nôi 3		Gỗ Nhỏ
229	Họ Thầu dầu	Euphorbiaceae	<i>Croton dongnaiensis</i> Pierre ex Gagnep. var. <i>highland_228</i>	Ba đậu đồng nai 3		Bụi
230	Họ Thầu dầu	Euphorbiaceae	<i>Mallotus nudiflorus</i> (L.) Kulju & Welzen var. <i>highland_229</i>	Lưu бру 3		Gỗ Lớn

Stt	Tên họ Tiếng Việt	Tên họ Khoa học	Tên Loài Khoa học	Tên Việt Nam	IUCN	Dạng sống
231	Họ Thầu dầu	Euphorbiaceae	<i>Ricinus communis</i> L. var. <i>highland_230</i>	Thầu dầu 3		Bụi
232	Họ Thầu dầu	Euphorbiaceae	<i>Euphorbia hirta</i> L. var. <i>highland_231</i>	Cỏ sữa lá lớn 3		Thảo
233	Họ Đậu	Fabaceae	<i>Albizia myriophylla</i> Benth. var. <i>highland_232</i>	Sống rấn 3		Gỗ TB
234	Họ Đậu	Fabaceae	<i>Albizia vialeana</i> Pierre var. <i>highland_233</i>	Kết 3		Gỗ Lớn
235	Họ Đậu	Fabaceae	<i>Cajanus cajan</i> (L.) Huth var. <i>highland_234</i>	Đậu sắng 3		Bụi
236	Họ Đậu	Fabaceae	<i>Cassia</i> sp. var. <i>highland_235</i>	Bọ cạp java 3	LC	Gỗ TB
237	Họ Đậu	Fabaceae	<i>Erythrina variegata</i> L. var. <i>highland_236</i>	Vông nem 3		Gỗ Lớn
238	Họ Đậu	Fabaceae	<i>Flemingia stricta</i> Roxb. var. <i>highland_237</i>	Tóp mỡ trắng 3		Bụi
239	Họ Đậu	Fabaceae	<i>Millettia brandisiana</i> Kurz var. <i>highland_238</i>	Thân mát brandis 3		Gỗ Lớn
240	Họ Đậu	Fabaceae	<i>Mucuna pruriens</i> (L.) DC. var. <i>highland_239</i>	Móc mèo 3		Dây leo
241	Họ Đậu	Fabaceae	<i>Senegalia caesia</i> (L.) Maslin var. <i>highland_240</i>	Keo cát 3	LC	Gỗ TB
242	Họ Đậu	Fabaceae	<i>Xylia xylocarpa</i> (Roxb.) W.Theob. var. <i>highland_241</i>	Cắm xe 3	LC	Gỗ Lớn
243	Họ Đậu	Fabaceae	<i>Pterocarpus macrocarpus</i> Kurz var. <i>highland_242</i>	Giáng hương quả to 3	EN	Gỗ Lớn
244	Họ Ban	Hypericaceae	<i>Cratoxylum</i> sp. var. <i>highland_243</i>	Thành ngạnh nam 3		Bụi
245	Họ Bạc hà	Lamiaceae	<i>Sphenodesme ferruginea</i> Wight var. <i>highland_244</i>	Bội tinh sét 3		Dây leo
246	Họ Bạc hà	Lamiaceae	<i>Hyptis suaveolens</i> (L.) Poit. var. <i>highland_245</i>	É lớn tròng 3		Thảo
247	Họ Long nào	Lauraceae	<i>Cinnamomum</i> sp. var. <i>highland_246</i>	Re tía 3		Gỗ Nhỏ
248	Họ Long nào	Lauraceae	<i>Phoebe lanceolata</i> (Nees) Nees var. <i>highland_247</i>	Re trắng mũi mác 3		Gỗ Nhỏ
249	Họ Lộc vùng	Lecythidaceae	<i>Barringtonia macrostachya</i> (Jack) Kurz var. <i>highland_248</i>	Tam lang 3		Gỗ TB
250	Họ Lũng dăng	Linderniaceae	<i>Torenia</i> sp. var. <i>highland_249</i>	Lũng dâng cong 3		Thảo
251	Họ Bằng lăng	Lythraceae	<i>Rotala rosea</i> (Poir.) C.D.K.Cook var. <i>highland_250</i>	Luân thảo cánh đẹp 3	LC	Thảo

Stt	Tên họ Tiếng Việt	Tên họ Khoa học	Tên Loài Khoa học	Tên Việt Nam	IUCN	Dạng sống
252	Họ Bằng lăng	Lythraceae	<i>Lagerstroemia speciosa</i> (L.) Pers. var. <i>highland_251</i>	Bằng lăng nước 3		Gỗ TB
253	Họ Bông (Cẩm quỳ)	Malvaceae	<i>Abelmoschus moschatus</i> Medik. var. <i>highland_252</i>	Bụp vang 3		Bụi
254	Họ Bông (Cẩm quỳ)	Malvaceae	<i>Hibiscus sabdariffa</i> L. var. <i>highland_253</i>	Bụp giấm 3		Bụi
255	Họ Bông (Cẩm quỳ)	Malvaceae	<i>Sida acuta</i> Burm.f. var. <i>highland_254</i>	Ké hoa vàng 3		Bụi nhỏ
256	Họ Xoan	Meliaceae	<i>Chukrasia tabularis</i> A.Juss. var. <i>highland_255</i>	Lát hoa 3	LC	Gỗ Lớn
257	Họ Tồ Điều	Athyriaceae	<i>Diplazium esculentum</i> (Retz.) Sw.	Rau dớn		Thảo
258	Họ Ráng Nhiều Chân	Polypodiaceae	<i>Drynaria bonii</i> H. Christ	Tắc kè đá bon		Thảo
259	Họ Ráng Sẹo Gà	Pteridaceae	<i>Pteris linearis</i> Poir	Ráng dẹo gà dài		Thảo
260	Họ Ô rô	Acanthaceae	<i>Justicia stricta</i> Vahl	Đinh lịch đứng		Bụi
261	Họ Ô rô	Acanthaceae	<i>Nelsonia canescens</i> (Lam.) Spreng.	Niên sơn		Bụi
262	Họ Xoài	Anacardiaceae	<i>Gluta tavoyana</i> Hook.f.	Trám mộc tavoy		Gỗ TB
263	Họ Trúc Đào	Apocynaceae	<i>Melodinus</i> sp.	Giom trung bộ		Dây leo
264	Họ Cúc	Asteraceae	<i>Tridax procumbens</i> L.	Cúc xuyên chi		Thảo
265	Họ Điều Nhuộm	Bixaceae	<i>Bixa orellana</i> L.	Điều nhuộm		Bụi
266	Họ Cồng	Calophyllaceae	<i>Calophyllum</i> sp.	Rù rì		Gỗ Nhỏ
267	Họ Khoai Lang	Convolvulaceae	<i>Jacquemontia paniculata</i> (Burm.f.) Hallier f.	Bìm trắng		Dây leo
268	Họ Sỏ	Dilleniaceae	<i>Dillenia indica</i> L.	Sỏ bà	LC	Gỗ TB
269	Họ Thị	Ebenaceae	<i>Diospyros apiculata</i> A.Chev.	Thị lợ nôi		Gỗ Nhỏ
270	Họ Thầu Dầu	Euphorbiaceae	<i>Croton dongnaiensis</i> Pierre ex Gagnep.	Ba đậu đồng nai		Bụi
271	Họ Thầu Dầu	Euphorbiaceae	<i>Mallotus nudiflorus</i> (L.) Kulju & Welzen	Lưu buru		Gỗ Lớn
272	Họ Thầu Dầu	Euphorbiaceae	<i>Ricinus communis</i> L.	Thầu dầu		Bụi
273	Họ Đậu	Fabaceae	<i>Albizia myriophylla</i> Benth.	Sống rần		Gỗ TB
274	Họ Đậu	Fabaceae	<i>Albizia vialeana</i> Pierre	Kết		Gỗ Lớn
275	Họ Đậu	Fabaceae	<i>Cajanus cajan</i> (L.) Huth	Đậu sắng		Bụi
276	Họ Đậu	Fabaceae	<i>Cassia</i> sp.	Bọ cạp java	LC	Gỗ TB
277	Họ Đậu	Fabaceae	<i>Erythrina variegata</i> L.	Vông nem		Gỗ Lớn
278	Họ Đậu	Fabaceae	<i>Flemingia stricta</i> Roxb.	Tóp mỡ trắng		Bụi

Stt	Tên họ Tiếng Việt	Tên họ Khoa học	Tên Loài Khoa học	Tên Việt Nam	IUCN	Dạng sống
279	Họ Đậu	Fabaceae	<i>Millettia brandisiana</i> Kurz	Thân mát brandis		Gỗ Lớn
280	Họ Đậu	Fabaceae	<i>Mucuna pruriens</i> (L.) DC.	Móc mèo		Dây leo
281	Họ Đậu	Fabaceae	<i>Senegalia caesia</i> (L.) Maslin, Seigler & Ebinger	Keo cát	LC	Gỗ TB
282	Họ Đậu	Fabaceae	<i>Xylia xylocarpa</i> (Roxb.) W.Theob.	Cắm xe	LC	Gỗ Lớn
283	Họ Ban	Hypericaceae	<i>Cratoxylum</i> sp.	Thành ngành nam		Bụi
284	Họ Bạc Hà	Lamiaceae	<i>Sphenodesme ferruginea</i> Wight	Bội tinh sét		Dây leo
285	Họ Long Não	Lauraceae	<i>Cinnamomum</i> sp.	Re tía		Gỗ Nhỏ
286	Họ Long Não	Lauraceae	<i>Phoebe lanceolata</i> (Nees) Nees	Re trắng mũi mác		Gỗ Nhỏ
287	Họ Lộc Vùng	Lecythidaceae	<i>Barringtonia macrostachya</i> (Jack) Kurz	Tam lang		Gỗ TB
288	Họ Lũng dăng	Linderniaceae	<i>Torenia</i> sp.	Lũng dâng cong		Thảo
289	Họ Bằng Lăng	Lythraceae	<i>Rotala rosea</i> (Poir.) C.D.K.Cook	Luân thảo cánh đẹp	LC	Thảo
290	Họ Bông	Malvaceae	<i>Abelmoschus moschatus</i> Medik.	Bụp vang		Bụi
291	Họ Bông	Malvaceae	<i>Hibiscus sabdariffa</i> L.	Bụp giấm		Bụi
292	Họ Xoan	Meliaceae	<i>Chukrasia tabularis</i> A.Juss.	Lát hoa	LC	Gỗ Lớn
293	Họ Dâu Tằm	Moraceae	<i>Artocarpus</i> sp.	Sa kê		Gỗ Nhỏ
294	Họ Rau Dừa	Onagraceae	<i>Ludwigia octovalvis</i> (Jacq.) P.H.Raven	Rau muống đứng	LC	Thảo
295	Họ Diệp hạ châu	Phyllanthaceae	<i>Cleistanthus</i> sp.	Dôm lông		Bụi
296	Họ Viền Chí	Polygalaceae	<i>Xanthophyllum lanceatum</i> (Miq.) J.J.Sm.	Gạt nai		Gỗ TB
297	Họ Rau Răm	Polygonaceae	<i>Persicaria lapathifolia</i> (L.) Delarbre	Nghé trắng		Thảo
298	Họ Cà Phê	Rubiaceae	<i>Aidia</i> sp.	Găng gai nhỏ		Gỗ TB
299	Họ Cà Phê	Rubiaceae	<i>Morinda</i> sp.	Nhàu lá chanh		Bụi
300	Họ Cà Phê	Rubiaceae	<i>Morinda tomentosa</i> B.Heyne ex Roth	Nhàu lông mềm		Gỗ nhỏ
301	Họ Cà Phê	Rubiaceae	<i>Paederia linearis</i> var. <i>linearis</i> Hook.f.	Rau mơ		Dây leo
302	Họ Cà Phê	Rubiaceae	<i>Ridsdalea</i> sp.	Găng cao		Gỗ TB
303	Họ Cà Phê	Rubiaceae	<i>Mussaenda</i> sp.	Bướm bạc chevalier		Bụi
304	Họ Cà	Solanaceae	<i>Physalis angulata</i> L.	Tầm bóp		Thảo

Stt	Tên họ Tiếng Việt	Tên họ Khoa học	Tên Loài Khoa học	Tên Việt Nam	IUCN	Dạng sống
305	Họ Thài Lài	Commelinaceae	<i>Commelina communis</i> Roxb.	Trai thường		Thảo
306	Họ Thài Lài	Commelinaceae	<i>Floscopa glomerata</i> (Willd. ex Schult. & Schult.f.) Hassk.	Cỏ đầu riu		Thảo
307	Họ Lan	Orchidaceae	<i>Dendrobium</i> sp.	Hoàng thảo lá kim		Ký sinh
308	Họ Lan	Orchidaceae	<i>Dendrobium</i> sp2.	Chân rết lá xanh		Ký sinh
309	Họ Dừa Dại	Pandanaceae	<i>Pandanus</i> sp.	Dừa nhiễm		Thảo
310	Họ Khúc Khắc	Smilacaceae	<i>Smilax</i> sp.	Khúc khắc lá bảy gân		Dây leo

Ghi chú: LC: ít quan tâm NT: Sắp bị đe dọa
VU: Sắp nguy cấp EN: Nguy cấp

Phụ lục 2: Một số hình ảnh hoạt động điều tra thực địa và loài cây



Lập ô tiêu chuẩn trong rừng cao su



Chụp ảnh các loài thực vật



Chụp ảnh các loài thực vật



Thu thập thông tin trong ô tiêu chuẩn



Chụp ảnh mẫu vật trong thực địa



Dây công chúa –
Artabotrys hexapetalus



Rù rì nang tai- *Elaeocarpus hainanensis*



Cáp gai nhỏ- *Capparis micrantha*



Hu đay- *Trema orientale*



Lốp bốp- *Connarus semidecandrus*



Mai dương- *Mimosa pigra*



Cù đề - *Breynia vitis-idaea*



Ý dĩ- *Coix lacryma-jobi*



Chôm chôm- *Nephelium lappaceum*



Chung bầu lông- *Combretum pilosum*



Trôm thon- *Sterculia lanceolata*



Dây chiều- *Tetracera scandens*



Gắm núi- *Gnetum montanum*